

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/DS-ST
Ngày 22-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lành

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (tên công ty viết tắt: VPBank); người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Thành T, chức vụ: Phó Giám đốc Khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ, VPBank hội sở (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 03 năm 2018); địa chỉ trụ sở chính: Số X H, phường H, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Hoàng Đức C - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - VPBank AMC phía Nam (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 12 năm 2019); địa chỉ: Số nhà Y đường P (nối dài), phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1990 và bà Phan Thị Anh T1, sinh năm 1990; cùng địa chỉ: Số nhà Z đường V1, tổ 8 (nay là tổ 6), phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 19-12-2019, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (sau đây được viết theo tên công ty viết tắt: VPBank) và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn là ông Hoàng Đức C đều trình bày:

VPBank - thông qua Chi nhánh G cho ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1990 và bà Phan Thị Anh T1, sinh năm 1990; cùng trú tại số nhà Z đường V, tổ 08, phường S, thành phố P, tỉnh Gia Lai vay theo Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016 với số tiền vay: 350.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô Chevrolet Aveo MT mới 100%, thời hạn vay 72 tháng, từ ngày 05/02/2016 đến ngày 05/02/2022, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 8,6%/năm. Bên vay phải trả nợ gốc và nợ lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 04/03/2016, riêng kỳ cuối trả dứt nợ vay. Để bảo đảm cho khoản vay ông H1 và bà T1 thế chấp tài sản cho VPBank theo Hợp đồng thế chấp số 6285715/GLI/HĐTC ngày 04/02/2016 là 01 (một) chiếc xe ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet, số khung ABC, số máy DEF, mang biển số 81A-094.23 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010640 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/02/2016, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản thành phố Đà Nẵng ngày 04/02/2016.

Ngoài ra, ông Nguyễn Trung H1 còn vay của VPBank - thông qua Chi nhánh G theo hình thức thẻ ghi nợ tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017 với số tiền vay: 52.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 11/11/2017 đến ngày 11/11/2019, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 20%/năm, mục đích vay tiêu dùng gia đình theo phương thức vay từng lần. Tính đến ngày 20/9/2019, ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 còn nợ VPBank theo Hợp đồng tín dụng ngày 04/02/2016, với tổng số tiền là 266.963.486 đồng, trong đó: Nợ gốc là 218.726.000 đồng; nợ lãi: 48.237.486 đồng và ông Nguyễn Trung H1 còn nợ VPBank theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 06/11/2017, với tổng số tiền là 55.342.626 đồng, trong đó: Nợ gốc là 40.846.793 đồng; nợ lãi: 14.494.833 đồng.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi đã cam kết theo các hợp đồng tín dụng đã ký, nên nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Hợp đồng tín dụng theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay ngày 06/11/2017, số tiền nợ tạm tính đến ngày 20/9/2019 là 322.305.112đ (ba trăm hai mươi hai triệu ba trăm lẻ năm nghìn một trăm mười hai đồng), trong đó nợ gốc là 259.572.793 đồng, nợ lãi là 62.732.319 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho VPBank, cụ thể như sau: 01 (một) chiếc xe Ô tô con, nhãn hiệu Chevrolet, số khung ABC, số máy DEF, mang biển số 81A-094.23, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010640 do Phòng CSGT Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/02/2016. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm nêu trên mà ông H1 và bà T1 vẫn chưa trả hết nợ thì ông H1 và bà T1 phải tiếp tục trả hết số nợ còn lại.

Quá trình Giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bị đơn ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1, nhưng bị đơn cũng không có mặt nên không có bản khai, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để Tòa án xem xét.

Tòa án tiến hành xác minh thông tin đăng ký xe ô tô tại Phòng cảnh sát giao thông, Công an tỉnh Gia Lai, thì xe hiện nay hồ sơ xe ô tô 81A-094.23 vẫn đang đứng tên chủ sở hữu: Nguyễn Trung H1 (Z Trần Cao Vân, Tây Sơn, P, Gia Lai), không có thay đổi gì về các nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký xe số 010640.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; buộc bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm; buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và trên công thông tin điện tử của Tòa án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 phải thanh toán trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai vay tiền với mục đích tiêu dùng và không có giấy đăng ký kinh doanh, do đó đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016, được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) - Chi nhánh G và vợ chồng ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng tín dụng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên kể từ ngày ký và bên vay đã nhận nợ toàn bộ số tiền vay theo Khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016 với số tiền vay: 350.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay và khế ước nhận nợ ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo kỳ như đã cam kết nên đã chuyển nợ quá hạn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Khế ước nhận nợ tính đến ngày 22/10/2020, với tổng số tiền là:

305.277.902 đồng, trong đó nợ gốc: 218.726.000 đồng, nợ lãi: 86.551.902 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và bị đơn đã ký hợp đồng thế chấp số 6285715/GLI/HĐTC ngày 04 tháng 02 năm 2016, tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung ABC, số máy DEF, mang biển số 81A-094.23 thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010640 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/02/2016. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, chứng nhận đúng quy định của pháp luật, tài sản đã đăng ký giao dịch bảo đảm được cập nhật vào cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm, hiệu lực đăng ký ngày 04/02/2016. Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận ngày 04/02/2016 nên phù hợp pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm. Vì vậy, bị đơn không trả được nợ đến hạn VPBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017 giữa VPBank và ông Nguyễn Trung H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đây là hợp đồng hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên đã cam kết trong hợp đồng. Tính đến ngày 23/8/2018, bị đơn ông Nguyễn Trung H1 chỉ trả được 11.153.207 đồng nợ gốc, sau đó không trả nữa. Do ông Nguyễn Trung H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết nên nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Trung H1 trả nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 22/10/2020 còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là: 67.750.829 đồng, trong đó nợ gốc: 40.846.793 đồng, nợ lãi là: 26.904.036 đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 tiếp tục chịu lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và ông Nguyễn Trung H1 tiếp tục chịu lãi của số tiền còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017 cho đến khi trả hết nợ.

[6] Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016 được ký kết giữa tổ chức tín dụng với cá nhân không có đăng ký kinh doanh, vay vốn mục đích tiêu dùng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên ngoài áp dụng Luật các tổ chức tín dụng còn áp dụng các quy định về hợp đồng dân sự tại thời điểm xác lập giao dịch và đây là giao dịch dân sự đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nên theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để áp dụng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng về việc yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 280, 282, 299, 320, 463, 466 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank).

1.1. Buộc ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016, tính đến ngày xét xử, ngày 22/10/2020 với tổng số tiền là: 305.277.902 đồng (ba trăm lẻ năm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm lẻ hai đồng), trong đó nợ gốc là: 218.726.000 đồng, nợ lãi là: 86.551.902 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Trung Hiếu và bà Phan Thị Anh Thư còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016 cho đến khi trả hết nợ.

1.2. Buộc ông Nguyễn Trung H1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017, tính đến ngày xét xử, ngày 22/10/2020 với tổng số tiền là: 67.750.829 đồng (sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn tám trăm hai mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là: 40.846.793 đồng, nợ lãi là: 26.904.036 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Trung H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung ABC, số máy DEF, mang biển số 81A-094.23 thuộc quyền sở hữu của ông

Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010640 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 03/02/2016, đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6285715/GLI/HĐTC ngày 04 tháng 02 năm 2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông ông Nguyễn Trung H1 và bà Phan Thị Anh T1 phải chịu 15.263.895 đồng (mười lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm chín mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng số 6285715/GLI/HĐTD ngày 04/02/2016 và Khế ước nhận nợ số 01/6285715/GLI/HĐTD ngày 05/02/2016.

3.2. Buộc ông ông Nguyễn Trung H1 phải chịu 3.387.542 đồng (ba triệu ba trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/11/2017.

3.3. Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) số tiền 8.057.628 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004658 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

4. Về chi phí tố tụng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam V (VPBank) phải chịu 4.744.000 đồng chi phí yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Công Tồn

